

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 950/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13-7-2023

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Tý
- Bà Bùi Diệu Huệ

Thư ký phiên tòa: ông Trần Hoàng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân: bà Nguyễn Thu Thương
Thương - Kiểm sát viên.*

Ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1696/2022/TLST-HNGĐ ngày 27/10/2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 155/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/6/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Nguyễn L.D.M., sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Phường A, Quận B, Thành phố C.

Địa chỉ liên lạc: Phường D, Quận E, Thành phố C.

2. Bị đơn: bà Bùi T.M.P., sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Phường X, Quận Y, Thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 10 năm 2022, bản tự khai, nguyên đơn ông Nguyễn L.D.M., trình bày:

Ông và bà Bùi T.M.P. tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2018, có làm đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận Y, Thành phố C, theo Giấy chứng nhận kết hôn yy ngày 24/9/2018.

Ông và bà Bùi T.M.P. sống với nhau đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không hợp nhau trong suy nghĩ và cách sống, nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không đạt được, hai vợ chồng ly thân từ năm 2019 cho đến nay.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: có 02 (hai) con chung tên Nguyễn B.M.T., sinh ngày 20/01/2018 và Nguyễn B.M.A., sinh ngày 31/8/2019, giao hai con cho bà Bùi T.M.P. trực tiếp nuôi con, ông cấp dưỡng con 4.000.000 đồng/01 tháng/01 cháu).

Tài sản chung, nợ chung: ông Nguyễn L.D.M. khai nhận không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn ông Nguyễn L.D.M. có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Bùi T.M.P. vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và đề nghị:

Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, vụ án thụ lý đúng thẩm quyền. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp: ông Nguyễn L.D.M. có đơn yêu cầu ly hôn với bà Bùi T.M.P. nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35.

Thẩm quyền giải quyết: bị đơn cư trú tại Phường X, Quận Y, Thành phố C. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng: bà Bùi T.M.P. đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ hai lần vào các ngày 14/6/2023 và 13/7/2023, yêu cầu bà Bùi T.M.P. có mặt tại Tòa để Tòa án tiến hành xét xử giải quyết việc ly hôn nhưng bà Bùi T.M.P. vẫn vắng mặt không có lý do; ông Nguyễn L.D.M. có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nói trên.

[3] Nội dung tranh chấp:

[3.1] Về hôn nhân: ông Nguyễn L.D.M. và bà Bùi T.M.P. chung sống, kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận Y, Thành phố C vào ngày 24/9/2018 nên đây là

hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau;”* và khoản 1 Điều 56 quy định *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*. Sau một thời gian sống chung do bất đồng quan điểm trong cách sống và suy nghĩ nên hai ông bà ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Xét thấy, hôn nhân của ông M. và bà P. đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà P. cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông M.. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông M. là có căn cứ.

[3.2] Về con chung: căn cứ Giấy khai sinh số x.x, ngày 09/02/2018 của Ủy ban nhân dân Phường X, Quận Y, Thành phố C và giấy khai sinh số z.z ngày 13/9/2019 của Ủy ban nhân dân Quận Y, Thành phố C thì cháu Nguyễn B.M.T., cháu Nguyễn B.M.A. có cha là Nguyễn L.D.M. và mẹ là Bùi T.M.P..

[3.3] Ông M. đề nghị giao hai con chung cho bà P. trực tiếp nuôi con do hai con ở với bà P. từ nhỏ đến nay. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ cần xem xét đến lứa tuổi, tâm sinh lý con trẻ, điều kiện việc làm, thu nhập mỗi bên để giao người nuôi con đảm bảo tốt nhất sự chăm sóc, giáo dục con trẻ. Tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”*. Bà P. hiện nay có chỗ ở, công việc, thu nhập ổn định, hai cháu T. và cháu A. cũng ở với bà P. từ nhỏ, đã quen với điều kiện và môi trường sống, việc giao con cho bà P. sẽ đảm bảo được sự phát triển về thể chất và tâm sinh lý của trẻ nên cần giao hai cháu cho bà P. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.4] Về mức cấp dưỡng nuôi con:

Tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn như sau: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*.

Tại Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con”*.

Tại khoản 1 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”*.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được về mức cấp dưỡng nuôi con, ông M. đề nghị mức cấp dưỡng nuôi con mỗi con là 4.000.000 đồng/01 tháng (tổng mức cấp dưỡng nuôi hai con là 8.000.000 đồng). Bà P. yêu cầu ông M. cấp dưỡng nuôi con là 7.500.000 đồng/01 tháng/01 cháu (tổng mức cấp dưỡng nuôi hai con là 15.000.000 đồng). Hội đồng xét xử nhận thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì bà P. có nghĩa vụ cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng M. cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp, nhưng bà P. không cung cấp được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ mà đã thu thập có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo quy định của Nghị quyết về dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 thì mức lương cơ sở là 1.800.000 đồng/01 tháng. Ông M. căn cứ vào thu nhập và khả năng thực tế của mình để cấp dưỡng nuôi mỗi con là 4.000.000 đồng/01 tháng, mức cấp dưỡng này phù hợp theo quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[3.5] Tài sản chung, nợ chung: ông M. và bà P. xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 9911 ngày 27/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 9, 19, 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn L.D.M..

1.1. Về hôn nhân: ông Nguyễn L.D.M. được ly hôn với bà Bùi T.M.P..

Giấy chứng nhận kết hôn số yy ngày 24/9/2018 tại Ủy ban nhân dân Quận Y, Thành phố C cấp cho ông Nguyễn L.D.M. và bà Bùi T.M.P. không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: ông Nguyễn L.D.M. và bà Bùi T.M.P. có 02 (hai) con chung tên Nguyễn B.M.T., sinh ngày 20/01/2018 và Nguyễn B.M.A., sinh ngày 31/8/2019. Giao cháu T. và cháu A. cho bà Bùi T.M.P. trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông Nguyễn L.D.M. có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con là 4.000.000 (bốn triệu) đồng/01 tháng, tổng cộng mức cấp dưỡng nuôi hai con là 8.000.000 (tám triệu) đồng/01 tháng, bắt đầu cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi phát sinh các căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con; việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, về nợ chung: ông Nguyễn L.D.M. và bà Bùi T.M.P. xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: ông Nguyễn L.D.M. phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 9911 ngày 27/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Q. Bình Tân;
- Đường sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Gấm